TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.
2. Ông Nguyễn Hồng Tý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị **N**, sinh năm: 1973. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố LS, TT.PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Phan Văn **N**, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố LS, TT. PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Vũ Thị N trình bày:

Bà N xây dựng gia đình với ông Phan Văn N vào năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Bà N và ông N có tìm hiểu nhau một thời gian, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới thì bà N và ông N sống tại tổ 12, khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khi về sống chung thì cuộc sống bà N và ông N không được êm ấm, hạnh phúc mà thường xảy ra cãi vã, ông N thường kiếm chuyện vô cớ đánh đập bà N và đập phá đồ đạc trong nhà, sự việc lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Bà N đã nhiều lần đưa đơn ra tòa án, sau đó thấy ông N hối lỗi nên rút đơn về, về sống chung được một thời gian thì ông N vẫn chứng nào tật ấy đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là vào năm 2017 ông N lại kiếm chuyện đánh đập bà N. Sức chịu đựng

của bà N có giới hạn, bà N cùng các con đã khuyên bảo ông N nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giảm đi mà ngày càng tăng lên đến mức trầm trọng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà N và ông N có 03 con chung tên Phan Văn T, sinh năm: 1995; Phan Thị Thu H, sinh năm: 1997 và Phan Thị Thủy T, sinh ngày 22/6/2010, hiện con chung tên Thống và tên Hà đã trưởng thành, riêng người con tên T đang sống với vợ chồng bà N. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con tên T và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Phan Văn N đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông N đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Thị N yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Phan Văn N, đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phan Văn N có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Phan Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N xây dựng gia đình vào năm 1994 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 029 tại UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Từ khi về sống chung thì cuộc sống bà N và ông N không được êm ấm hạnh phúc thường xảy ra cãi vã, ông N thường kiếm chuyện vô cớ đánh đập bà

N và đập phá đồ đạc trong nhà, sự việc lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Bà N đã nhiều lần đưa đơn ra tòa, sau đó thấy ông N hối lỗi nên rút đơn về, về sống chung được một thời gian thì ông N vẫn chứng nào tật ấy. Đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là vào năm 2017 ông N lại kiếm chuyện đánh đập bà N, bà N cùng các con đã khuyên bảo ông N nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giảm đi mà ngày càng tăng lên đến mức trầm trọng.

Xét lời khai của bà N phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, xét yêu cầu của bà N cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà N và ông N phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng bà N và ông N không làm được điều đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Sau khi bà N gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông N vắng mặt không lý do, không thể hiện có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà N và ông N thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông N.

[3] Về con chung: Bà N và ông N có 03 con chung tên Phan Văn T, sinh năm: 1995; Phan Thị Thu H, sinh năm: 1997 và Phan Thị Thủy T, sinh ngày 22/6/2010, hiện con chung tên T và tên Hđã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, riêng người con tên T đang sống với vợ chồng bà N. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con tên T và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi.

Xét yêu cầu của bà N cho thấy, từ khi bà N nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Qua xem xét ý kiến của con chung là cháu T cho thấy cháu có nguyện vọng ở với bà N nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung chưa thành niên, giao cháu T cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà N nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Phan Văn N.

2. Về con chung: Bà N và ông N có 03 con chung tên Phan Văn T, sinh

năm: 1995; Phan Thị Thu H, sinh năm: 1997 và Phan Thị Thủy T, sinh ngày 22/6/2010. Hiện con chung tên Tvà tên H đã trưởng thành. Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T. Ông N có trách nhiệm giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003014 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện XM. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND thị trấn PB;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo